



LẬP TRÌNH PHP 1

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ PHP

PHẦN 1

www.poly.edu.vn

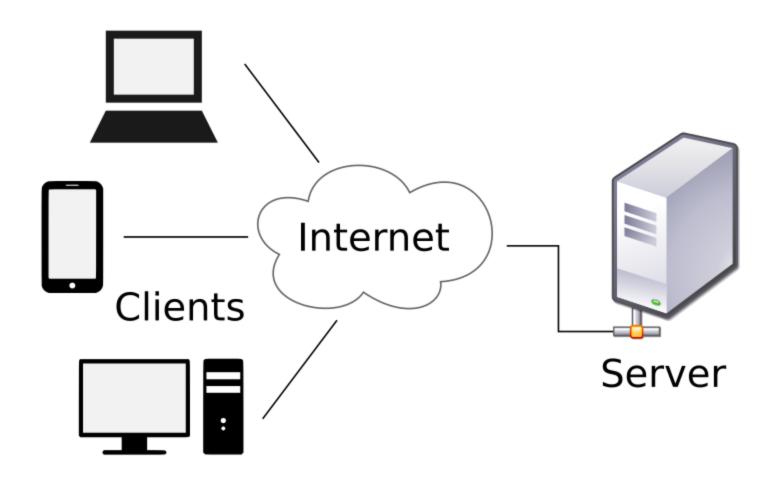
Nội dung bài học

- Tổng quan lập trình PHP
- Kiến trúc Client Server
- Úng dụng web
- Khai báo biến trong PHP
- Sử dụng kiểu dữ liệu
- Biểu thức trong PHP





KIÉN TRÚC CLIENT – SERVER



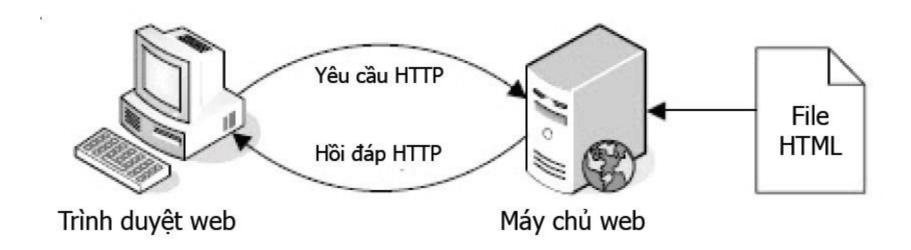


KIẾN TRÚC CỦA ỨNG DỤNG WEB

- Máy chủ web (web server): máy chủ chuyên chia sẻ trang web
- Trình duyệt web (web browser): ứng dụng phía người dùng để kết nối với máy chủ web, lấy thông tin từ máy chủ và hiển thị thông tin trên cửa sổ trình duyệt
- Mạng (network): hệ thống trao đổi thông tin cho phép máy khách và máy chủ có thể giao tiếp với nhau

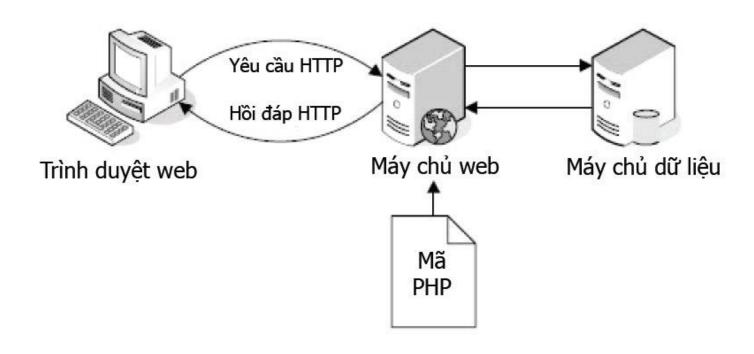














ÚNG DỤNG WEB







Internet Explorer	Phát hành bởi Microsoft. Hiện chỉ có phiên bản trên Windows.
Firefox	Phát hành bởi Mozilla Corporation. Có tất cả các phiên bản trên các hệ điều hành chính như Windows, MacOS, Linux
Safari	Phát hành bởi Apple. Có phiên bản trên OSX và Windows.
Opera	Phát hành bởi Opera Software. Có tất cả các phiên bản trên các hệ điều hành phổ biến và có một phiên bản rút gọn rất được ưa dùng trên điện thoại di động và PDA.
Chrome	Phát hành bởi Google. Hiện chỉ có phiên bản trên Windows





Apache	Là máy chủ web mã nguồn mở có thể được vận hành trên bất cứ hệ điều hành phổ dụng nào hiện nay. Apache hỗ trợ nhiều ngôn ngữ kịch bản phía máy chủ và có thể tương tác với nhiều máy chủ dữ liệu khác nhau. Bộ tứ hoàn hảo nhất được biết đến là LAMP, nghĩa là Linux, Apache, MySQL và PHP
IIS	Là máy chủ web do Microsoft phát hành và chỉ chạy trên Windows. Mục đích chính là hỗ trợ ASP.NET và MS SQL Server





MySQL	Cơ sở dữ liệu mã nguồn mở, sẵn dùng cho tất cả các hệ điều hành phổ biến
Oracle	Máy chủ cơ sở dữ liệu của Oracle, sẵn dùng cho tất cả các hệ điều hành phổ biến
DB2	Máy chủ cơ sở dữ liệu của IBM, sẵn dùng cho tất cả các hệ điều hành phổ biến
MS SQL	Máy chủ cơ sở dữ liệu của Microsoft, chỉ chạy trên HĐH Windows



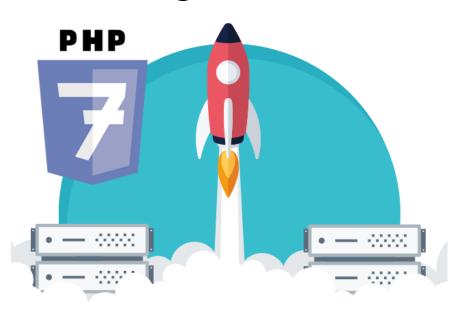
NGÔN NGỮ PHÍA SERVER

PHP	Thường được sử dụng với Apache nhưng hiện cũng được IIS hỗ trợ, xử lý các file có đuôi .php.
ASP.NET	Sử dụng bởi Microsoft IIS. ASP.NET sử dụng tên đuôi .aspx và làm việc chủ yếu với các ứng dụng được viết trên C# hoặc Visual Basic
Pearl	Được phát triển cho mục đích xử lý văn bản bằng dòng lệnh của UNIX và viết các ứng dụng web. Perl sử dụng đuôi .pl
Python	Được dùng để phát triển nhiều loại ứng dụng trong đó có ứng dụng web. Python được sử dụng chủ yếu với Apache và có đuôi là .py.
JSP	Cần thêm một máy chủ ứng dụng như Tomcat server, được phát triển miễn phí bởi Công ty Apache Software Foundation. Các trang JSP sử dụng đuôi .jsp và chủ yếu làm việc với servlet được viết trên ngôn ngữ Java



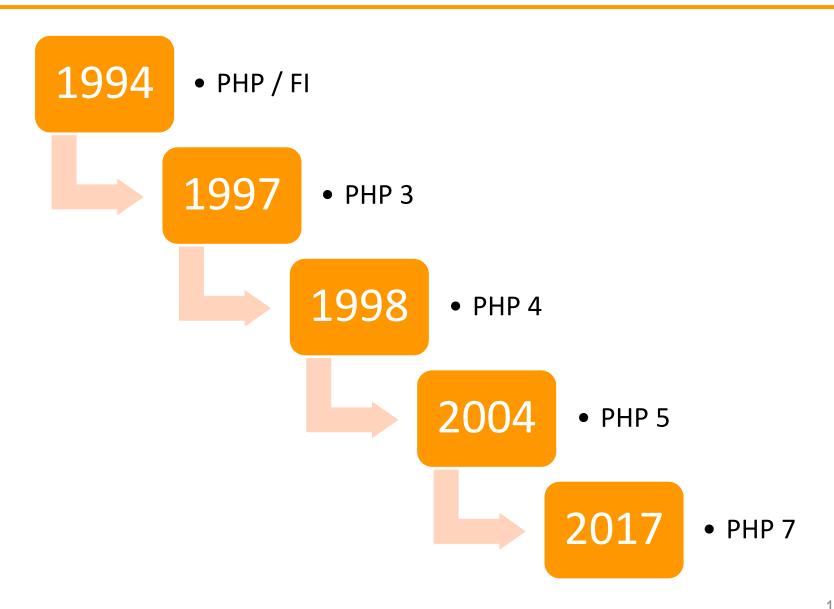


- PHP: Hypertext Preprocessor
- Ngôn ngữ lập trình kịch bản
- Phát triển các ứng dụng viết cho máy chủ
- Mã nguồn mở
- Nhúng vào các trang HTML









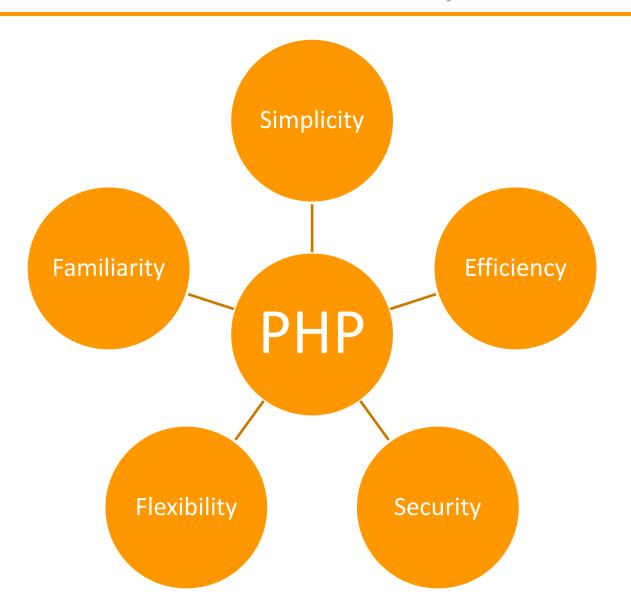


ÚNG DỤNG PHỔ BIẾN CỦA PHP

- PHP thực hiện các chức năng hệ thống, tức là từ các tệp trên một hệ thống nó có thể tạo, mở, đọc, viết và đóng chúng.
- PHP có thể xử lý các biểu mẫu, tức là thu thập dữ liệu từ các tệp tin, lưu dữ liệu vào tệp, qua email bạn có thể gửi dữ liệu, trả lại dữ liệu cho người dùng.
- Bạn thêm, xóa, sửa đổi các phần tử trong cơ sở dữ liệu thông qua PHP.
- ☐ Truy cập các biến cookie và đặt cookie.
- Sử dụng PHP, bạn có thể hạn chế người dùng truy cập một số trang của trang web của bạn.
- ☐ PHP có thể mã hóa dữ liệu.



CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA PHP







LẬP TRÌNH PHP 1

BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ PHP

PHẦN 2

www.poly.edu.vn





- Sử dụng PHP
- Commenting code
- PHP phân biệt hoa thường
- Kết thúc câu bằng dấu ;
- Tạo khối lệnh





Cú pháp chuẩn

Cú pháp rút gọn





- Là một phần mã lệnh của chương trình
- Không biên dịch trên Server

```
<!php

# This is a comment, and

# This is the second line of the comment

// This is a comment too. Each style comments only
print "An example with single line comments";

?>
```



Mã lệnh PHP phân biệt hoa thường

```
<?php
    $poly = 67;
    echo "Variable capital is $poly<br>";
    echo "Variable CaPiTaL is $PoLy<br>";
?>
```

□ Câu lệnh PHP kết thúc bằng dấu ;

```
$welcome = "Welcome to PHP!";
```

Khối lệnh trong PHP

```
if (3 == 2 + 1)
    print("Poly Bee");

if (3 == 2 + 1) {
    print("FPT Polytechnic");
    print("Poly Bee");
}
```









☐ Khai báo biến

\$variablename [=initial value];

■ Ví dụ

```
$a;
$a = 10;
```





- Boolean
- Integer
- Float
- String
- Object
- Array



BIểU THỨC TRONG PHP

2 + 3

- 2,3: Toán hạng
- ☐ +: Toán tử





☐ Hằng số

$$$a = 3 + 5;$$

Biến

$$\$a = 10;$$

 $\$b = \$a + 20;$

☐ Hàm (có giá trị trả về)

$$$a = 3 + add(4,6);$$





Arithmetic	+ - * / %
Relational	> <
Logical	! &&

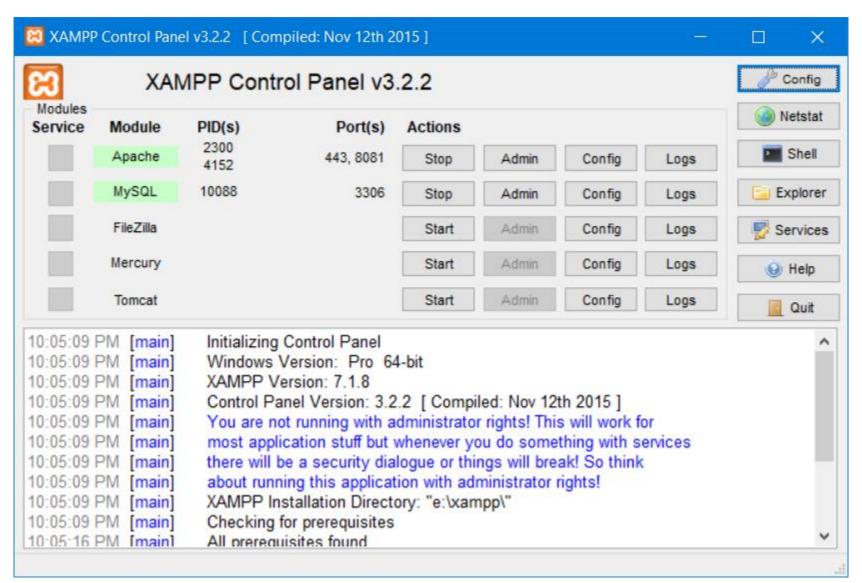




Assignment	=
	++
	+=
	-= *=
	/=
	/ %=
	=
	&=
	^=
	.=
Allocation	new
Selection	?:

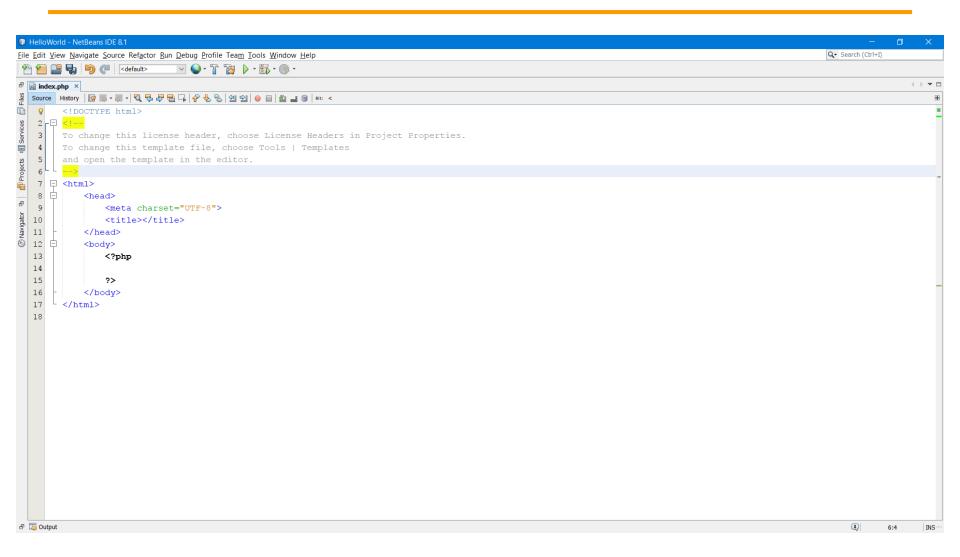


CÔNG CỤ **XAMPP**





PHẦN MỀM NETBEANS



Tổng kết bài học

- Tổng quan lập trình PHP
- Kiến trúc Client Server
- Úng dụng web
- Khai báo biến trong PHP
- Sử dụng kiểu dữ liệu
- Biểu thức trong PHP



